

Số: 1436 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 5 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản, thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 44/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 1213/QĐ-BNN-TS ngày 26/4/2024 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 1214/QĐ-BNN-TY ngày 26/4/2024 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 85/TTr-SNN ngày 04/5/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản, thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản, thú y; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố tại các số thứ tự 3, mục IV, phần A Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố; số thứ tự 1, 2, 4, 5, 6, 7, 15, 19, mục III, phần B Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số thứ tự 3, mục IV, phần C Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện; số thứ tự 1, mục III, phần E Thủ tục hành chính không thực hiện tại bộ phận một cửa ban hành kèm theo Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VPCP, Bộ NN&PTNT;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- TTTU, TT HỒNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Đài PT&THHP, Báo HP, CĐ ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Các Phòng: KSTTHC; NNTN&MT;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**



**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN, THỦY THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (11 TTHC)**  
(Kèm theo Quyết định số: 1436 /QĐ-UBND ngày 06 / 5 /2024 của Chủ tịch UBND TP)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (10 TTHC)**  
**I. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (01 TTHC)**

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
<b>Lĩnh vực Thủy sản (01 TTHC)</b>				
1	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	Khoản 32 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	1. Mục 1.1. Trình tự thực hiện: bổ sung nội dung Bước 2. 2. Mục 1.3.1. Thành phần hồ sơ được sửa đổi, bổ sung các nội dung sau: a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu 33 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; b) Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá; c) Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng; d) Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình cảng cá (áp dụng đối với cảng cá hoàn thành từ sau khi Nghị định số 37/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành); 3. Mục 1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: sửa đổi thành “Quyết định công bố mở cảng cá theo Mẫu số 34 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP” 4. Mục 1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: sửa đổi thành “Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 33 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP” 5. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “không có” thành “có quy định”. 6. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu - Mẫu số 33 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP) - Mẫu số 34 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)

**II. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (08 TTHC)**

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
<b>Lĩnh vực Thủy sản (07 TTHC)</b>				
1	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Khoản 30 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	1. Mục 1.1. Trình tự thực hiện: bổ sung nội dung Bước 2. 2. Mục 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: sửa nội dung “Tờ khai theo Mẫu số 31 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP” 3. Mục 1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: phân cấp thẩm quyền giải quyết từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” về “Chi cục Thủy sản” 4. Mục 1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: sửa thành “Văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá



TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
				<p>theo Mẫu số 32 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP”</p> <p>5. Mục 1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: sửa thành “Mẫu số 31 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP”.</p> <p>6. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “có quy định” thành “không có”.</p> <p>7. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu</p> <p>- Mẫu số 31 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</p> <p>- Mẫu số 32 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</p>
2	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Khoản 27 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	<p>1. Mục 1.1. Trình tự thực hiện: bổ sung nội dung Bước 2.</p> <p>2. Mục 1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: phân cấp thẩm quyền giải quyết từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” về “Chi cục Thủy sản”</p> <p>3. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “không có” thành “có quy định”.</p> <p>4. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu</p> <p>Mẫu số 29 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</p>
3	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bổ mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bổ mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bổ mẹ)	Phụ lục I Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	<p>1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bổ mẹ)”</p> <p>2. Mục 1.1. Trình tự thực hiện: bổ sung các nội dung trong:</p> <p>- Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện</p> <p>3. Mục 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ sửa đổi như sau:</p> <p>* Trường hợp cấp mới:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</p> <p>* Trường hợp cấp lại:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân;</p> <p>c) Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.</p> <p>4. Mục 1.4. Thời hạn giải quyết</p> <p>Trường hợp cấp mới: sửa từ “10 ngày làm việc” thành “13 ngày làm việc”</p> <p>5. Mục 1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: sửa thành “Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP”</p> <p>6. Mục 1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai sửa thành:</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p>



TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
				<p>b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</p> <p>7. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “không có” thành “có quy định”.</p> <p>8. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu số 01 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> <li>- Mẫu số 02 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> <li>- Mẫu số 03 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> <li>- Mẫu số 04 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> </ul>
4	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	<p>1. Mục 1.1. Trình tự thực hiện: bổ sung các nội dung trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp mới</li> <li>- Trường hợp cấp lại</li> </ul> <p>2. Thành phần, số lượng hồ sơ sửa đổi như sau:</p> <p><b>* Trường hợp cấp mới:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p><b>* Trường hợp cấp lại:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi đối với trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân trong Giấy chứng nhận;</p> <p>c) Bản chính Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất.</p> <p>3. Mục 1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: sửa thành “Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 09 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP”</p> <p>4. Mục 1.8. Phí, lệ phí (nếu có): sửa thành “Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định)”.</p> <p>5. Mục 1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: sửa thành</p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</p> <p>b) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</p> <p>6. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “không có” thành “có quy định”.</p> <p>7. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu số 06 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> <li>- Mẫu số 07 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> <li>- Mẫu số 08 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> </ul>



TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
				- Mẫu số 09 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)
5	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)	Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	<p>1. Tên TTHC được sửa đổi từ “Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý)”</p> <p>2. Mục 1.1. Trình tự thực hiện: bổ sung các nội dung trong:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp mới</li> <li>- Trường hợp cấp lại/gia hạn</li> </ul> <p>3. Mục 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp mới sửa thành “Đơn đăng ký theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP”</li> <li>- Trường hợp cấp lại/gia hạn bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đơn đề nghị cấp lại/gia hạn Giấy phép theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</li> <li>b) Báo cáo Kết quả sản xuất theo Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</li> <li>c) Báo cáo kết quả bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định theo quy định;</li> <li>d) Bản sao chứng thực Quyết định giao khu vực biển (đối với trường hợp gia hạn Giấy phép);</li> <li>đ) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể hiện nội dung thay đổi, bổ sung thông tin của tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cấp lại Giấy phép).</li> </ul> </li> </ul> <p>4. Mục 1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: sửa thành “Giấy cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển theo Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.”</p> <p>5. Mục 1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: sửa thành</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đơn đăng ký theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 37/2024/NĐ-CP;</li> <li>c) Báo cáo Kết quả sản xuất theo Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP (đối với trường hợp cấp lại, gia hạn)</li> </ul> <p>6. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “không có” thành “có quy định”.</p> <p>7. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu số 15 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> <li>- Mẫu số 16 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> <li>- Mẫu số 17 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</li> </ul>
6	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	<p>1. Mục 1.1. Trình tự thực hiện: bổ sung nội dung Bước 3.</p> <p>2. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “không có” thành “có quy định”.</p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu</p> <p><b>Mẫu số 13 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</b></p>
7	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	<p>1. Mục 1.3.1. Thành phần hồ sơ sửa đổi nội dung sau</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thủy sản bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;</li> <li>- Bản chụp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải đăng kiểm;</li> </ul> </li> </ul> <p>2. Mục 1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính sửa nội dung sau</p>



TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
				<p>Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP.</p> <p>Thời hạn của Giấy phép khai thác thủy sản cấp lần đầu: Không quá thời hạn còn lại của hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản đã được công bố.</p> <p>3. Mục 1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai sửa nội dung: Đơn đề nghị theo Mẫu số 21 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP</p> <p>4. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “không có” thành “có quy định”.</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu</p> <p>- Mẫu số 21 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</p> <p>- Mẫu số 22 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</p>
8	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	<p>1. Mục 1.3.1. Thành phần hồ sơ sửa nội dung sau</p> <p>b) Hồ sơ đăng ký lại bao gồm</p> <p>- Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở (đối với trường hợp thay đổi quy mô sản xuất); trường hợp thay đổi chủ cơ sở phải có giấy tờ chứng minh sự thay đổi.</p> <p>2. Mục 1.4. Thời hạn giải quyết: sửa từ “05 ngày làm việc” thành “07 ngày làm việc”</p> <p>3. Mục 1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai sửa nội dung sau</p> <p>a) Đơn đăng ký theo Mẫu số 26.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;</p> <p>b) Đơn đăng ký lại theo Mẫu số 27.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP</p> <p>4. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “không có” thành “có quy định”.</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu</p> <p>Mẫu số 14 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)</p>

### III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (01 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
<b>Lĩnh vực Thú y (01 TTHC)</b>				
1	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn thành phố	Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản	<p>1. Mục 1.1. Trình tự thực hiện: sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Bước 2.</p> <p>2. Mục 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: sửa nội dung “Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024)”</p> <p>3. Mục 1.4. Thời hạn giải quyết:</p> <p>- Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: sửa từ “03 ngày làm việc” thành “05 ngày làm việc”</p> <p>4. Mục 1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: sửa nội dung “Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo</p>

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
			phẩm động vật trên cạn	Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT)” 4. Sửa đổi biểu mẫu Mẫu số 1 - Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 TTHC)**

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế TTHC	Nội dung được sửa đổi, bổ sung
<b>Lĩnh vực Thủy sản (01 TTHC)</b>				
1	1.004478	Công bố mở cảng cá loại 3	Khoản 32 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ	1. Mục 1.1. Trình tự thực hiện: bổ sung nội dung Bước 2. 2. Mục 1.3.1. Thành phần hồ sơ sửa nội dung sau a) Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 33 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP; b) Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá; c) Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng; d) Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình cảng cá (áp dụng đối với cảng cá hoàn thành từ sau khi Nghị định số 34/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành). 3. Mục 1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính sửa nội dung sau Quyết định công bố mở cảng cá theo Mẫu số 34 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP 4. Mục 1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai sửa nội dung sau Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 33 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP. 5. Mục 1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): sửa đổi từ “không có” thành “có quy định”. 6. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu - Mẫu số 33 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP) - Mẫu số 34 (Phụ lục I - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP)